

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index mở cửa bật tăng, tuy nhiên áp lực bán tại ngưỡng 1,270 đã đẩy chỉ số xuống 1,263 trước khi lực cầu bắt đáy tại đây giúp chỉ số trở về đóng cửa tại mốc 1,269.71 điểm, gần như đi ngang so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm, Ô tô & Phụ tùng và Dầu khí dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index đang dần chuyển vùng giao dịch xuống các mức thấp hơn. Chỉ số có thể dịch chuyển xuống ngưỡng 1,260 trong ngắn hạn; trong trường hợp tiêu cực hơn, chỉ số có thể dịch chuyển xuống đường viền cổ của mô hình hai đỉnh – tương ứng với vùng 1,250 – 1,255.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL vận động ngược chiều với nhịp điều chỉnh nhẹ của VN30, ngoại trừ VN30F2503.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/01/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+2.93** điểm, đóng cửa tại **1269.71** điểm. HNX-Index **+0.26** điểm, đóng cửa tại **227.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.10)**, **VCB (+0.96)**, **HPG (+0.55)**, **CTG (+0.39)**, **HVN (+0.30)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.51)**, **HDB (-0.33)**, **EIB (-0.24)**, **KDH (-0.23)**, **ACB (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,765** tỷ đồng, giảm **-8.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,713 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.88 điểm. Thị trường có **239** mã tăng, 74 mã tham chiếu, **164** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-300.73** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-131.49 tỷ)**, **BID (-72.47 tỷ)**, **STB (-69.57 tỷ)**, **HDB (-47.04 tỷ)**, **VHM (-45.42 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.57** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.44%**. Các mã diễn biến tích cực: **ACB (+1.57%)**, **FPT (+1.33%)**, **CTR (+1.22%)**.
- BSC50 **-0.38%**. Các mã diễn biến tích cực: **QTP (+2.19%)**, **PTB (+1.84%)**, **SZC (+1.68%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 31/12)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.44%	-0.38%	-0.41%	-0.19%
1 tuần	0.66%	-0.05%	0.93%	1.82%
1 tháng	-0.55%	0.12%	-0.11%	-0.33%
3 tháng	-2.52%	-1.14%	-1.47%	0.40%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,269.71	227.69	95.05
% 1D	0.23%	0.11%	-0.01%
GTGD (tỷ VND)	8,765	520	562
%1D	-8.08%	-14.83%	-14.53%
GDNN (tỷ VND)	-300.73	-4.57	27.54

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FRT	71.80	VCB	-131.49
CTG	67.48	BID	-72.47
MWG	37.44	STB	-69.57
DGC	31.15	HDB	-47.04
VNM	28.44	VHM	-45.42

Thị trường thế giới

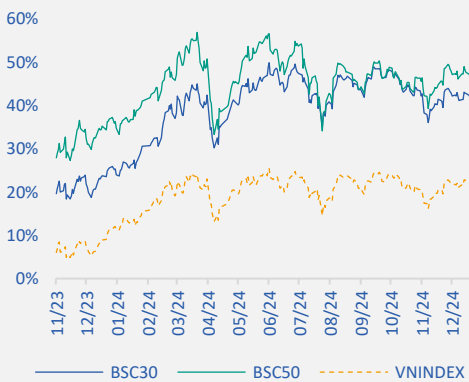
		%D	%W
SPX	5,882	-0.43%	-1.55%
FTSE100	8,170	-0.03%	0.83%
Eurostoxx	4,879	0.20%	-0.08%
Shanghai	3,263	-2.64%	-3.83%
Nikkei	39,895	-0.96%	1.84%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.64	0.34%
Giá vàng	2,621	
Tỷ giá		
USD/VND	25,551	0.03%
EUR/VND	27,291	0.06%
JPY/VND	166	1.22%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.01%
LS LNH 1M	5.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



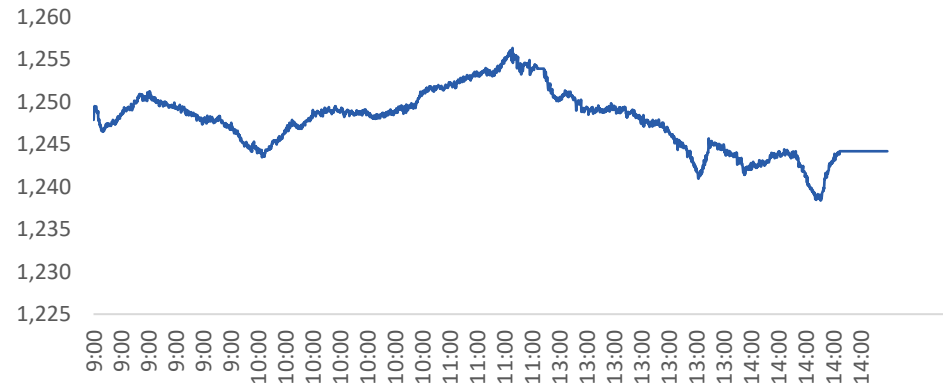
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1346.90	0.10%	153,113	13.60%	1/16/2025	14
VN30F2502	1349.10	0.05%	250	52.44%	2/20/2025	49
VN30F2503	1346.70	-0.24%	28	-91.44%	3/20/2025	77
VN30F2506	1351.50	0.07%	61	-61.15%	6/19/2025	168

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -1.55 điểm, đóng cửa tại 1343.2 điểm. Biên độ dao động 12.75 điểm. Các cổ phiếu như TCB, HDB, ACB, FPT, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 mất đà và lao dốc từ giữa phiên sáng. Kết phiên, chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Giá giảm cùng với thanh khoản nhỏ cho thấy hiệu ứng giảm mua là nguyên nhân chi phối dao động của chỉ số. Khuyến nghị NĐT giao dịch thận trọng.
- Các HĐTL vận động ngược chiều với nhịp điều chỉnh nhẹ của VN30, ngoại trừ VN30F2503. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503, VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2501, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2404	11/4/2025	306	24,400	-55.64%	12.02	3,720	9.4%	9.43	67.43	152.00	152.00
CHPG2409	11/4/2025	306	437,200	-71.30%	2.50	1,750	9.4%	8.20	7.75	27.00	27.00
CVRE2407	11/4/2025	306	701,500	-71.21%	1.60	1,690	9.0%	7.88	4.98	17.30	17.30
CVHM2408	11/4/2025	306	364,500	-70.90%	3.80	1,960	8.9%	9.09	11.64	40.00	40.00
CFPT2403	4/28/2025	116	4,800	-73.10%	13.41	6,920	7.0%	34.94	40.89	152.00	152.00
CTCB2403	11/4/2025	306	202,500	-72.90%	2.60	800	6.7%	4.37	6.60	24.35	24.35
CMBB2315	1/9/2025	7	4,713,000	-69.87%	1.96	1,440	4.3%	5.94	7.59	25.20	25.20
CVIB2407	11/4/2025	306	108,900	-71.47%	1.80	1,910	3.2%	8.99	5.62	19.70	19.70
CHPG2406	10/28/2025	299	92,700	-73.33%	2.80	1,100	2.8%	6.08	7.20	27.00	27.00
CHPG2406	10/28/2025	299	92,700	-73.33%	2.80	1,100	2.8%	6.08	7.20	27.00	27.00
CSTB2404	3/6/2025	63	136,300	-73.14%	3.10	1,710	2.4%	8.48	9.94	37.00	37.00
CFPT2402	7/28/2025	207	3,600	-70.59%	13.41	7,880	2.3%	34.98	44.71	152.00	152.00
CFPT2405	8/14/2025	224	1,000	-66.35%	13.41	3,800	1.3%	13.99	51.14	152.00	152.00
CSTB2402	5/21/2025	139	300,500	-70.32%	3.00	2,660	1.1%	11.35	10.98	37.00	37.00
CMWG2314	1/9/2025	7	2,346,300	-76.43%	5.16	920	0.0%	5.59	14.29	60.60	60.60
CTPB2403	5/14/2025	132	104,200	-73.11%	1.75	900	0.0%	4.94	4.45	16.55	16.55
CFPT2314	1/9/2025	7	18,700	-51.48%	8.58	7,600	-2.3%	16.73	73.75	152.00	152.00
CTPB2405	6/30/2025	179	140,000	-71.36%	1.90	710	-4.1%	3.67	4.74	16.55	16.55
CFPT2407	6/30/2025	179	37,500	-70.94%	15.87	1,140	-5.0%	5.50	44.17	152.00	152.00
CFPT2406	3/28/2025	85	307,100	-73.30%	14.77	1,040	-7.1%	5.53	40.59	152.00	152.00

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 02/01/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CHPG2402 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CMBB2315 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.39%.
 - CFPT2314, CFPT2404, CFPT2405, CTCB2404, và CVIB2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CFPT2314, CMSN2404, và CMSN2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	38.20	1.73%	1.10	6.90
VCB	91.90	0.77%	0.96	5.59
HPG	27.00	1.31%	0.55	6.40
CTG	38.10	0.79%	0.39	5.37
HVN	29.20	1.92%	0.30	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	65.40	2.19%	0.12	0.13
IDC	56.00	0.54%	0.07	0.33
VNR	22.30	1.83%	0.05	0.18
DNC	73.70	10.00%	0.04	0.01
PMC	110.00	5.77%	0.04	0.01

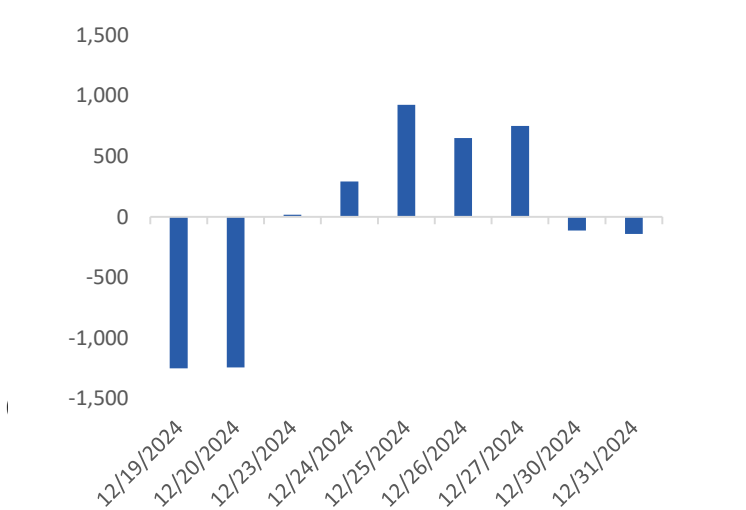
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	24.35	-1.22%	-0.51	7.06
HDB	25.10	-1.57%	-0.33	3.50
EIB	18.75	-2.85%	-0.24	1.86
KDH	35.15	-2.63%	-0.23	1.01
ACB	25.60	-0.78%	-0.22	4.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	102.20	-4.49%	-0.61	0.20
DTK	13.00	-5.80%	-0.34	0.68
VIF	16.50	-5.17%	-0.20	0.35
HGM	218.50	-5.33%	-0.10	0.01
BAB	11.90	-0.83%	-0.06	0.90

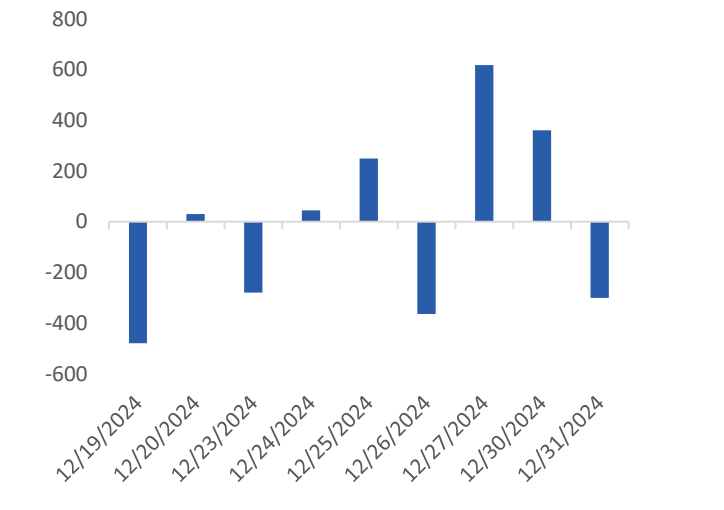
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	91.2	0.00%	0.7	20,008	8.5	6,194	14.7	-	23.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.6	0.00%	1.4	10,166	5.0	4,106	9.1	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	0.00%	0.9	5,979	6.2	1,663	11.5	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.6	0.00%	1.3	6,836	9.1	3,207	7.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.1	0.00%	1.2	5,228	11.1	4,021	6.2	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	36.9	0.00%	1.4	2,731	13.6	4,640	8.0	-	23.8%	Link
CTG	Ngân hàng	37.8	0.00%	1.6	7,968	8.1	4,035	9.4	-	27.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.8	0.00%	0.9	4,524	9.0	3,638	7.1	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	26.0	0.00%	1.5	2,006	8.4	1,490	17.5		40.4%	Link
IDC	Xây dựng	55.7	0.00%	1.1	722	0.9	6,634	8.4	65,700	22.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.6	0.00%	1.0	6,691	10.7	1,905	14.0	41,500	21.7%	Link
HSG	VLXD	18.4	0.00%	1.5	450	2.3	828	22.3	25,300	9.9%	Link
VHM	BĐS	40.0	0.00%	0.7	6,449	6.6	4,700	8.5	108,300	12.3%	Link
KDH	BĐS	36.1	0.00%	1.1	1,433	3.7	522	69.2	44,500	37.1%	Link
NLG	BĐS	36.6	0.00%	1.3	552	1.7	793	46.1	-	44.8%	Link
DGC	Hóa chất	116.6	0.00%	1.4	1,738	5.8	7,791	15.0	115,000	18.0%	Link
DCM	Phân bón	35.6	0.00%	0.9	740	7.1	2,917	12.2	38,700	5.9%	Link
GAS	Dầu khí	68.1	0.00%	0.5	6,262	2.1	4,728	14.4	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	33.9	0.00%	1.1	636	2.2	1,919	17.7	57,000	19.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.4	0.00%	1.4	511	1.9	1,211	19.3	38,400	10.2%	Link
POW	Dầu khí	12.0	0.00%	0.7	1,103	0.9	597	20.1	17,100	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	70.5	0.00%	1.2	621	1.9	3,814	18.5	108,500	28.2%	Link
GMD	Logistics	65.2	0.00%	0.7	1,060	1.0	4,315	15.1	90,400	45.9%	Link
VNM	Bán lẻ	63.4	0.00%	0.4	5,201	4.1	4,591	13.8	93,100	51.6%	Link
MSN	Bán lẻ	70.0	0.00%	0.9	4,157	7.7	898	78.0	110,000	26.2%	Link
MWG	Bán lẻ	61.0	0.00%	1.1	3,499	10.8	2,028	30.1	-	46.1%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.9	0.00%	1.1	1,298	1.9	5,960	16.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	40.2	0.00%	1.8	346	1.8	1,809	22.2	66,600	20.1%	Link
FPT	Bán lẻ	152.5	0.00%	1.2	8,806	21.6	5,129	29.7	107,900	45.6%	Link
CTR	Hạ tầng	124.5	0.00%	1.5	559	2.8	4,640	26.8	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	#N/A	0.00%	1.1	3,498	9.2	4,461	5.7	1.5	17.2%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.7	0.00%	1.2	2,304	5.0	2,412	8.2	1.5	5.0%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.6	0.00%	1.4	1,727	5.2	1,840	9.0	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.6	0.00%	1.1	1,189	1.8	1,687	6.9	0.9	27.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	19.3	0.00%	0.8	1,411	3.7	1,447	13.3	1.5	2.5%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.4	0.00%	1.8	831	4.7	1,409	20.9	2.1	44.6%	10.6%
VCI	Chứng khoán	33.2	0.00%	1.5	936	3.7	1,419	23.4	2.2	25.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	12.6	0.00%	1.5	753	3.8	1,503	8.4	1.0	11.9%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.6	0.00%	2.0	426	0.6	1,732	28.1	2.2	40.9%	9.3%
SHS	Chứng khoán	12.8	0.00%	1.7	409	2.3	1,178	10.9	0.9	3.0%	10.5%
CTD	Xây dựng	68.7	0.00%	1.4	270	1.0	3,361	20.4	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.6	0.00%	1.5	198	1.0	835	14.0	0.6	8.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.4	0.00%	1.5	78	0.4	825	12.5	0.8	2.1%	5.7%
SZC	BĐS KCN	42.4	0.00%	1.0	300	1.6	1,572	27.0	2.5	2.2%	12.1%
SIP	BĐS KCN	83.1	0.00%	1.2	687	1.4	5,635	14.7	4.1	4.6%	29.0%
PHR	BĐS KCN	53.2	0.00%	0.9	283	0.2	2,858	18.6	1.8	18.0%	12.1%
DIG	BĐS	18.9	0.00%	1.6	452	4.6	135	140.3	1.5	4.2%	1.1%
CEO	BĐS	13.2	0.00%	1.8	280	1.2	316	41.8	1.2	4.4%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.2	0.00%	1.4	820	3.2	549	49.5	1.1	18.7%	1.7%
VGC	BĐS KCN	45.0	0.00%	1.2	791	1.5	1,312	34.2	2.4	3.4%	8.2%
GVR	BĐS KCN	30.4	0.00%	1.6	4,765	1.4	851	35.7	2.3	0.3%	6.5%
NKG	VLXD	14.4	0.00%	1.6	254	1.3	1,736	8.3	0.6	7.4%	7.4%
BMP	VLXD	131.1	0.00%	1.1	421	0.6	12,420	10.6	3.6	84.2%	34.6%
IJC	BĐS	13.8	0.00%	1.2	205	0.6	729	19.0	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	15.6	0.00%	1.4	441	4.6	197	79.2	1.1	19.0%	1.9%
VRE	BĐS	17.2	0.00%	1.2	1,530	3.1	1,795	9.6	1.0	19.0%	11.9%
PDR	BĐS	20.7	0.00%	1.7	710	2.3	500	41.4	1.6	7.6%	5.0%
DIG	BĐS	18.9	0.00%	1.6	452	4.6	135	140.3	1.5	4.2%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.8	0.00%	0.7	554	0.7	75	210.2	1.6	1.4%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.9	0.00%	1.0	111	0.1	573	13.8	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	45.7	0.00%	1.6	198	3.0	2,122	21.5	3.5	2.9%	15.2%
DHC	Hóa chất	37.7	0.00%	1.1	119	0.5	3,330	11.3	1.6	40.7%	13.3%
DRC	Cao su	28.5	0.00%	0.9	133	0.2	2,259	12.6	1.8	9.0%	16.5%
PC1	Tiện ích	22.9	0.00%	1.1	322	0.8	1,511	15.2	1.3	13.1%	6.1%
HDG	Tiện ích	28.5	0.00%	1.4	376	2.6	2,116	13.5	1.5	20.1%	11.8%
GEX	Tiện ích	19.1	0.00%	1.4	644	2.5	1,207	15.8	1.2	5.7%	7.0%
QTP	Tiện ích	14.0	0.00%	0.5	247	0.1	1,500	9.3	1.2	0.9%	11.2%
PLX	Dầu khí	37.5	0.00%	0.7	1,870	1.0	2,350	16.0	1.9	17.5%	13.8%
BSR	Dầu khí	22.8	0.00%	1.1	2,775	5.0	966	23.6	1.3	0.6%	13.4%
PLC	Dầu khí	22.4	0.00%	1.3	71	0.1	611	36.7	1.5	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	19.8	0.00%	1.2	207	1.1	315	62.8	0.9	1.2%	1.2%
PTB	VLXD	67.3	0.00%	1.1	177	2.3	4,944	13.6	1.6	23.6%	11.9%
VSC	Logistics	15.9	0.00%	1.2	179	1.5	737	21.6	1.1	2.3%	7.3%
HAH	Logistics	49.5	0.00%	1.0	236	1.9	3,571	13.9	2.0	13.5%	10.6%
DBC	Bán lẻ	27.8	0.00%	1.6	364	4.2	1,604	17.3	1.4	8.5%	5.0%
FRT	Bán lẻ	185.6	0.00%	0.8	993	4.7	775	239.6	14.0	36.9%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.0	0.00%	0.5	722	1.1	6,553	7.6	2.0	13.5%	28.7%
TNG	Dệt may	25.2	0.00%	1.1	121	1.3	2,427	10.4	1.7	17.0%	14.7%
PVT	Logistics	27.7	0.00%	1.0	387	1.2	3,130	8.8	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.0	0.00%	1.0	538	3.1	1,700	20.6	1.2	8.6%	5.5%
REE	Tiện ích	67.9	0.00%	0.9	1,255	1.1	3,860	17.6	1.8	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
14	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
19	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660